

Số:

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày tháng 9 năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án  
“Trạm trộn bê tông và cấu kiện bê tông Việt Hàn” tại KCN Đất Đỏ 1,  
huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

### **TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ CÁC KCN BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2017 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;*

*Căn cứ Quyết định số 1047/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh;*

*Căn cứ kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Trạm trộn bê tông và cấu kiện bê tông Việt Hàn” tại KCN Đất Đỏ 1, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tại thông báo kết quả thẩm định số 1994/BQL-MT ngày 15/7/2021 của Ban Quản lý các KCN;*

*Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Trạm trộn bê tông và cấu kiện bê tông Việt Hàn” tại KCN Đất Đỏ 1 đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản số 0508/CV-BTVH ngày 05 tháng 08 năm 2021 của Công ty Cổ phần Bê tông Công nghệ cao Việt Hàn;*

*Xét đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các KCN,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Trạm trộn bê tông và cấu kiện bê tông Việt Hàn” tại KCN Đất Đỏ 1, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (sau đây gọi là dự án) được lập bởi Công ty Cổ phần Bê tông Công nghệ cao Việt Hàn (sau đây gọi là chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

### ***Nơi nhận:***

- Công ty CP Bê tông CN cao Việt Hàn (chủ dự án);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Đất Đỏ;
- UBND xã Phước Long Thọ;
- Lãnh đạo Ban;
- Chủ đầu tư KCN Đất Đỏ 1;
- Lưu: VT, HSMT, Website Ban.

**TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Anh Triết**

## PHỤ LỤC

### CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “Trạm trộn bê tông và cầu kiện bê tông Việt Hàn” tại KCN Đất Đỏ 1, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BQL ngày tháng 9 năm 2021  
của Ban Quản lý các KCN Bà Rịa – Vũng Tàu)

#### 1. Thông tin về dự án:

**1.1. Tên dự án:** Trạm trộn bê tông và cầu kiện bê tông Việt Hàn

#### 1.2. Chủ đầu tư dự án

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Bê tông Công nghệ cao Việt Hàn

- Địa điểm: KCN Đất Đỏ 1, xã Phước Long Thọ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa -  
Vũng Tàu.

#### 1.3. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Sản xuất bê tông tươi, công suất khoảng 2.367 tấn/ngày tương đương với  
864.000 tấn/năm.

- Sản xuất cầu kiện bê tông, công suất khoảng 526 tấn/ngày tương đương với  
192.000 tấn/năm.

- Diện tích mặt đất: 20.000 m<sup>2</sup>.

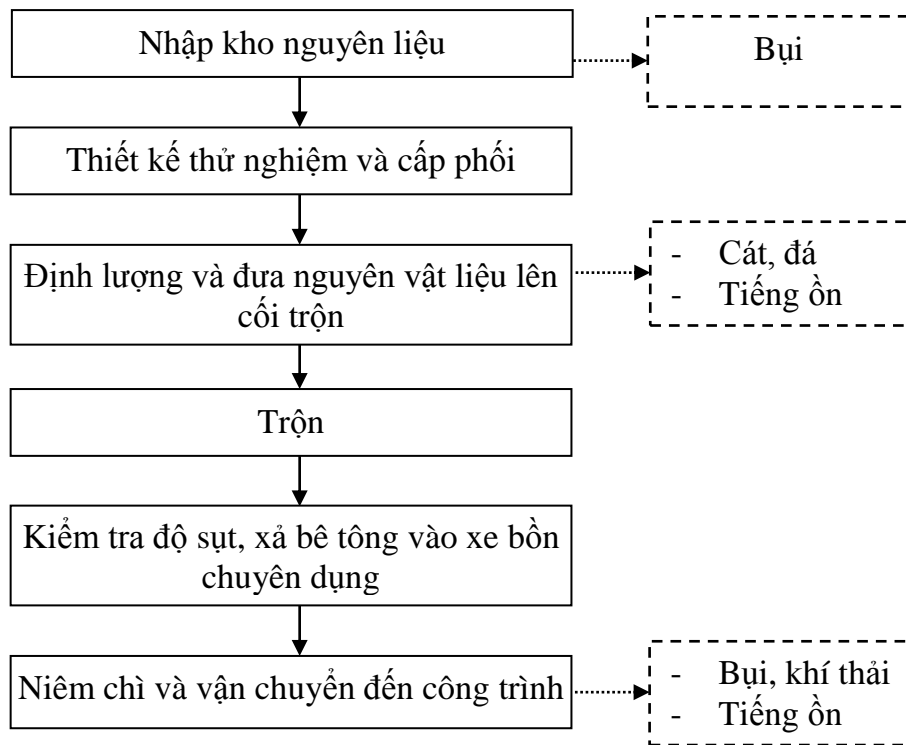
#### 1.4. Các hạng mục, công trình chính của dự án

STT	Tên hạng mục XD	Kích thước/ số lượng	Số tầng/ chiều cao	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)
<b>A</b>	<b>Các hạng mục chính</b>				
1	Trạm trộn bê tông 120 m <sup>3</sup> /h	02	18,2m	272,029 5/ trạm	1.36
	Trạm trộn bê tông 60 m <sup>3</sup> /h	01	14,5m	150,12	0,75
2	Nhà xưởng sản xuất cầu kiện bê tông	20m x 36m	1F	720	3.6
	Nhà xưởng cơ khí	78m x 31,2m	1F	2.433,6	12.168
3	Kho chứa cốt liệu	84,1m x 18m	1F	1.513,8	7.569
<b>B</b>	<b>Các hạng mục phụ trợ</b>				
1	Khu văn phòng + Căn tin và phòng nghỉ giữa ca	18,75m x 8m	2F	150	0.75
		16m x 15,6m	2F	250	1.25

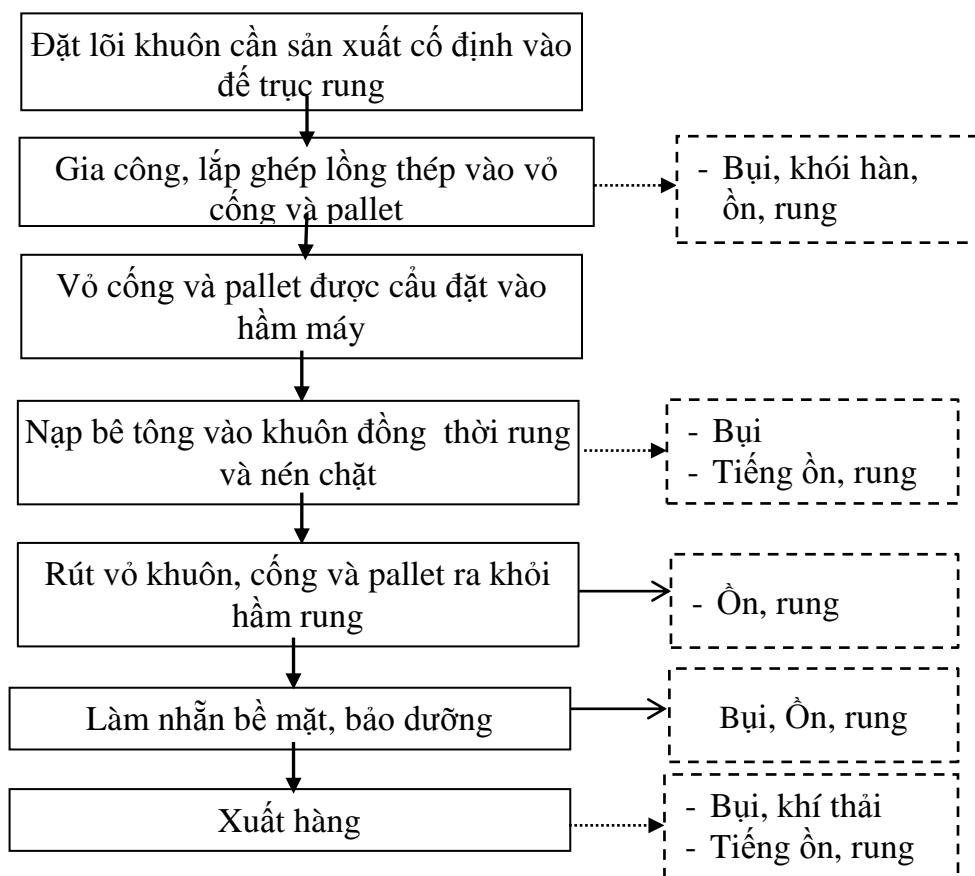
2	Nhà xe nhân viên	14,55m x 5,3m	1F	77,15	0.39
		15,6m x 11m	1F	171,6	0.858
3	Nhà bảo vệ	3,4m x 4,2m	1F	14,28	0.0714
4	Phòng cân (in số liệu)	2,5m x 3m	1F	7,5	0.0375
5	Máy phát điện + tủ phân phối điện	5m x 10m	1F	50	0.25
6	Trạm biến áp	4m x 4m		16	0.08
7	Thiết bị làm lạnh (Chiller)	1,8m x 3,6m		6,48	0.0324
8	Bể nước ngầm	4,5m x 11,2m		50,4	0.252
9	Trạm cân	3m x 20m		60	0.3
10	Cầu rửa xe			56,5	0.2825
<b>C</b>	<b>Công trình bảo vệ môi trường</b>				
1	Kho chứa chất thải thông thường	8m x 8m		64	0.32
	Kho chứa xà bần	10,5 m x 8m		84	
2	Kho chứa chất thải nguy hại	3,5m x 8m	1F	28	0.42
3	Hệ thống thu gom, xử lý nước thải sản xuất (bố trí các bể thu gom, lắng)	3,5m x 8m	28m <sup>2</sup> *2	56	0.14
<b>D</b>	<b>Đất trồng cây xanh</b>			<b>4.186,4</b>	20,93
<b>E</b>	<b>Đường nội bộ, giao thông, sân bãi</b>			<b>9.154,71</b>	45,77
	<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>20.000</b>	<b>100</b>

### 1.5. Công nghệ sản xuất:

**a) Công nghệ sản xuất bê tông:**



**b) Công nghệ sản xuất cấu kiện bê tông:**



**2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án**

## 2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

Các giai đoạn hoạt động của dự án	Các hoạt động	Các tác động môi trường chính của dự án
Giai đoạn xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị	Vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công xây dựng	Bụi, CO, SO <sub>2</sub> , NO <sub>2</sub> ,... của khí thải, tiếng ồn từ các phương tiện vận chuyển
	Hoạt động xây dựng các công trình, lắp đặt máy móc thiết bị của dự án	- Vật liệu xây dựng rơi vãi, bao bì, đồ bao gói, chất thải dính dầu, que hàn, thùng sơn,... Bụi, tiếng ồn, - Nước thải xây dựng
	Hoạt động của công nhân	- Nước thải sinh hoạt. - Chất thải rắn sinh hoạt.
Giai đoạn vận hành	Hoạt động sinh hoạt của công nhân viên	- Nước thải sinh hoạt. - Chất thải sinh hoạt.
	Hoạt động của các phương tiện cơ giới vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm cung cấp cho khách hàng ra vào dự án	Bụi, CO, NO <sub>2</sub> , SO <sub>2</sub> , VOC,... của khí thải, tiếng ồn của các phương tiện vận chuyển
	Hoạt động sản xuất: quá trình bóc dỡ, lưu trữ, nạp, phối trộn nguyên liệu; gia công, lắp ghép lồng thép; làm nhẵn bề mặt, phá dỡ cấu kiện bê tông lõi; Máy phát điện dự phòng.	- Khí thải: Bụi xi măng, bụi cát, đá; Bụi từ công đoạn gia công, lắp ghép lồng thép, làm nhẵn bề mặt, phá dỡ cấu kiện bê tông lõi. - Chất thải rắn công nghiệp thông thường: phế liệu sắt thép, bao bì..., - Chất thải nguy hại (CTNH): dầu nhớt và giẻ lau dính dầu trong bảo trì máy móc, thiết bị,..., bóng đèn, thùng chứa dầu nhớt.
	Hoạt động vệ sinh thiết bị máy trộn và khu vực bồn	Nước thải sản xuất

<b>Các giai đoạn hoạt động của dự án</b>	<b>Các hoạt động</b>	<b>Các tác động môi trường chính của dự án</b>
	trộn, các bồn vận chuyển bê tông sau mỗi ca làm việc	
	Các sự cố môi trường	Sự cố về cháy nổ, tai nạn giao thông, bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải, thiết bị xử lý bụi của silo
	Các nguồn khác	Nước mưa chảy tràn trong khu vực dự án, ...

## **2.2. Quy mô, tính chất của nước thải**

### **2.2.1. Giai đoạn xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị**

- Nước thải sinh hoạt: khoảng 2,25 m<sup>3</sup>/ ngày (khoảng 50 công nhân thi công).
- Nước thải xây dựng: Khoảng 01 m<sup>3</sup>/ngày phát sinh từ vệ sinh các phương tiện giao thông (xe vận chuyển nguyên vật liệu).

### **2.2.2. Giai đoạn vận hành**

- Nước thải sinh hoạt: khoảng 03m<sup>3</sup>/ngày.đêm từ hoạt động công nhân viên (khoảng 30 người). Thành phần chất ô nhiễm bao gồm: các chất cặn bã, chất lơ lửng (SS), chất hữu cơ (BOD/COD), chất dinh dưỡng (N,P) và vi sinh.
- Nước thải từ quá trình sản xuất: khoảng 20÷25 m<sup>3</sup>/ngày từ quá trình vệ sinh thiết bị máy trộn và xe bồn, bảo dưỡng cấu kiện bê tông. Thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu có pH, SS.

## **2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải**

### **2.3.1. Giai đoạn xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị**

- Bụi, khí thải sinh ra từ quá trình vận chuyển, bốc dỡ và tồn chứa nguyên nhiên vật liệu, máy móc, thiết bị xây dựng công trình (đá, cát, xi măng, sắt, thép,...); quá trình đào hố móng, san gạt mặt bằng công trình; quá trình trộn đồ bê tông tươi, bê tông nhựa nóng; hoạt động của các thiết bị, máy móc thi công xây dựng các nhà văn phòng và các công trình phụ trợ; đồ móng BTCT, khoan tường, đóng đinh, bắt ốc; hoạt động cắt, hàn...
- Hơi dung môi từ quá trình sơn công trình.
- Khí thải phát sinh do hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, khí thải phát thải từ hoạt động của các máy móc, khói hàn thiết bị các công trình xây dựng.

### **2.3.2. Giai đoạn vận hành**

- Khí thải và bụi phát sinh do quá trình hoạt động của các phương tiện cơ giới vận chuyển nguyên nhiên vật liệu và sản phẩm ra vào khu vực dự án; khói hàn từ gia công lắp ghép lồng thép.

- Bụi từ công đoạn bốc dỡ, lưu trữ, nạp xi măng, đá, cát; phối trộn nguyên liệu; làm nhẵn bề mặt và phá dỡ cấu kiện bê tông lõi.

- Mùi, khí thải từ các nguồn khác: nhà vệ sinh, nhà chứa chất thải, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải.

## **2.4. Quy mô, tính chất của chất thải công nghiệp thông thường**

### **2.4.1. Giai đoạn xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị**

- Chất thải sinh hoạt: Khối lượng chất thải sinh hoạt 15÷25 kg/ngày.

- Chất thải xây dựng: Khoảng 100 tấn/toàn thời gian thi công và lắp đặt thiết bị., thành phần chủ yếu gồm bao bì (xi măng, thùng caton,...), sắt, thép vụn, gạch vỡ, cốt pha đất, cát, đá rơi vãi.

### **2.4.2. Giai đoạn vận hành**

- Chất thải rắn sinh hoạt: khoảng 3,6÷6 kg/ngày bao gồm các loại bao bì, thức ăn thừa từ căn tin.

- Chất thải công nghiệp thông thường: khoảng 300÷400 kg/ngày bao gồm: cặn bê tông (xà bần) phát sinh từ bể lắng nước thải rửa xe, máy trộn, làm nhẵn bề mặt cấu kiện bê tông.

+ Sắt thép phế liệu từ công đoạn gia công lắp ghép lồng: khoảng 500kg/ngày; sản phẩm cấu kiện bê tông lõi: 1.000 kg/ngày.

## **2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại**

### **2.5.1. Giai đoạn xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị**

- Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu bao gồm: dầu nhớt thải; giẻ lau, thùng dính dầu mỡ, sơn, bóng điện huỳnh quang hỏng,... với khối lượng khoảng 440 kg/toàn thời gian thi công và lắp đặt máy móc thiết bị.

### **2.5.2. Giai đoạn vận hành**

Chất thải nguy hại phát sinh: khoảng 317,2 kg/tháng. Thành phần và khối lượng chất thải nguy hại cụ thể như sau:

STT	Tên chất thải	Trạng thái		Khối lượng (kg/tháng)
		Rắn	Lỏng	
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị máy móc		x	10



2	Bóng đèn huỳnh quang thải, pin, ắc quy thải	x		5
3	Giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại (bao tay, giẻ lau dính dầu) từ quá trình vệ sinh, bảo trì bảo dưỡng thiết bị máy móc	x		70
4	Dầu thải từ thiết bị tách dầu (bã dầu)		x	20
5	Chất thải vô cơ có chứa các thành phần nguy hại (chỉ bó, ống thủy lực, dầu curoa nhiễm dầu, các chi tiết thiết bị máy móc nhiễm dầu thải bỏ)	x		145
6	Lõi vật liệu lọc bụi	x		67,2
<b>Tổng cộng</b>		<b>kg</b>		<b>317,2</b>

### **3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án**

#### **3.1. Về thu gom và xử lý nước thải**

##### **3.1.1. Giai đoạn xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị**

- Nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình xây dựng: bố trí nhà vệ sinh di động số lượng 01 nhà vệ sinh, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

##### **3.1.2. Giai đoạn vận hành**

- Nước mưa: Nước mưa chảy tràn → Hệ thống mương xây, công tròn BTCT, hố ga thu nước → Song chắn rác → đầu nối hệ thống thu gom thoát nước mưa của KCN Đất Đỏ 1.

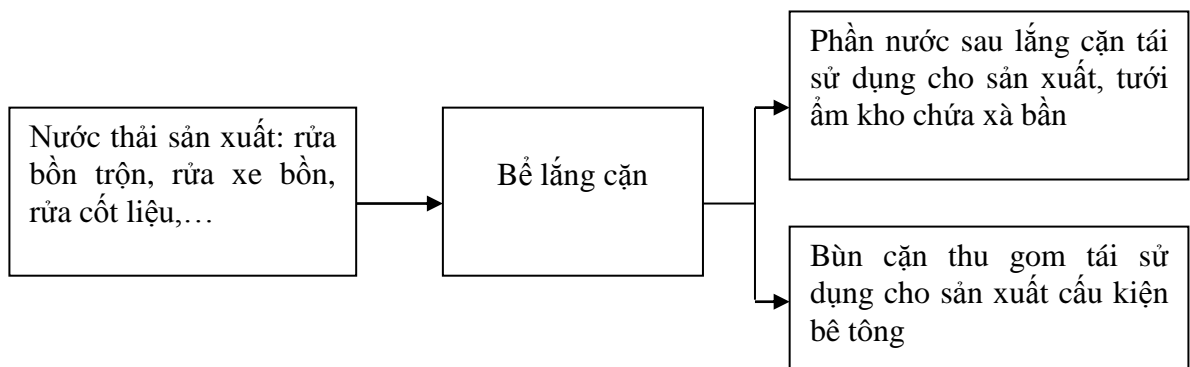
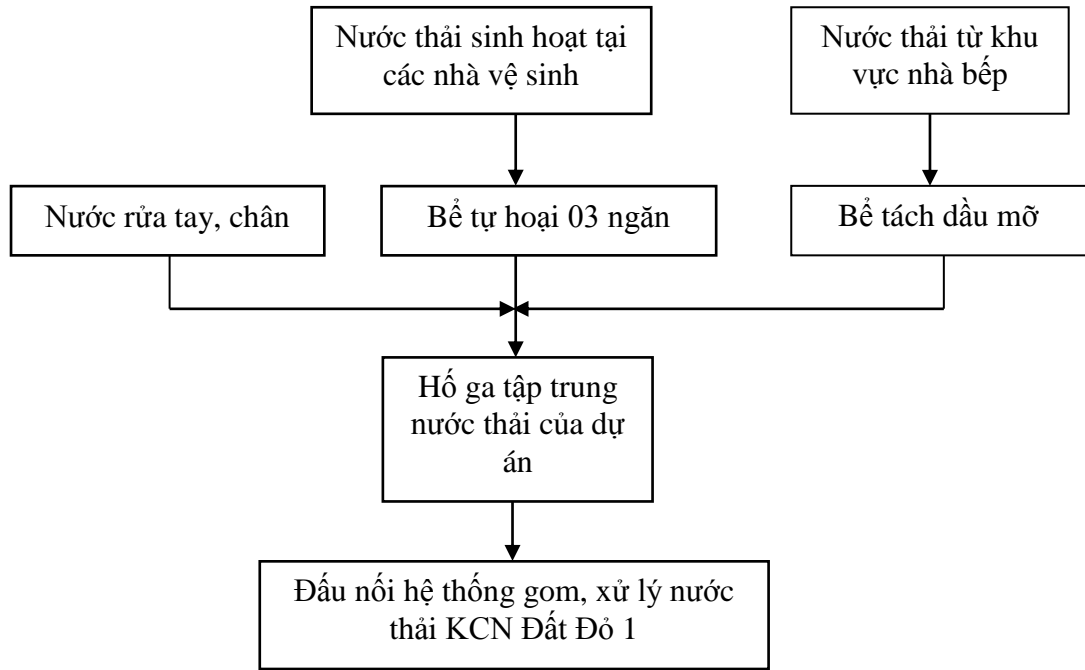
+ Vật liệu xây dựng: lưu chứa trong kho có mái che.

- Nước thải sinh hoạt: nước thải được thu gom qua bể tự hoại 3 ngăn xử lý sơ bộ và đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Đất Đỏ 1.

- Nước thải sản xuất: toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vệ sinh máy trộn và xe bồn sẽ được thu gom về cụm bể lắng nước thải của dự án. Nước tái sử dụng cho quá trình sản xuất, không thải ra môi trường.

+ Bảo dưỡng cầu kiện bê tông: Dự án sử dụng phun sương bề mặt nên không phát sinh nước thải.

- Sơ đồ thu gom nước thải:



**Yêu cầu bảo vệ môi trường:** Đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Nhà máy đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Đất Đỏ 1 trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

### 3.2. Công trình, biện pháp thu gom xử lý bụi, khí thải

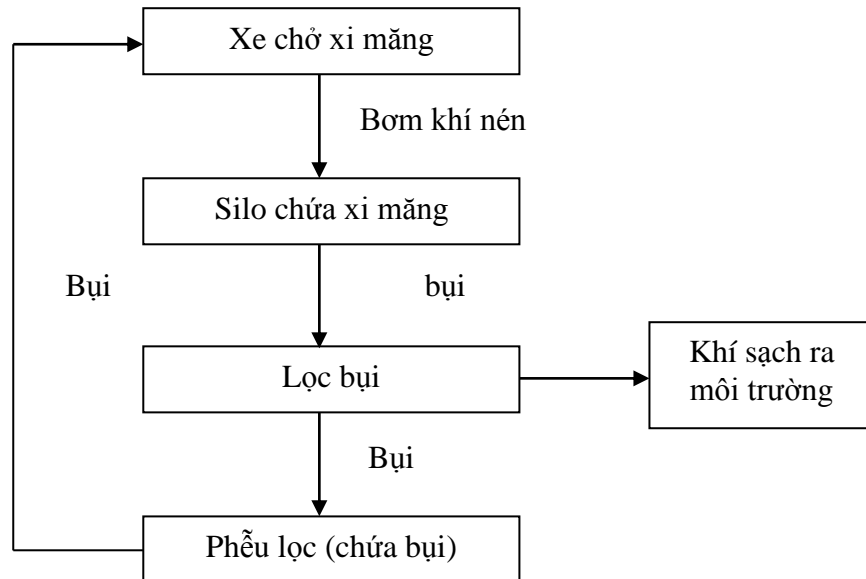
#### 3.2.1. Giai đoạn xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị:

- Trang bị bảo hộ lao động (mũ bảo hộ, khẩu trang, găng tay, ủng hoặc giày ba ta, quần áo bảo hộ và các thiết bị bảo hộ khác) cho người lao động.
- Trang bị tấm chắn tia kim loại nóng chảy bắn ra trong quá trình hàn, đồng thời bảo đảm cho phép theo dõi quá trình hàn một cách an toàn.
- Thường xuyên vệ sinh, tưới nước giảm bụi tại khu vực thi công đào đắp, đường N7 và D8 – đường nội bộ vào khu vực dự án.

### 3.2.2. Giai đoạn vận hành:

- Thu gom, xử lý bụi chủ yếu phát sinh từ quá trình nạp xi măng vào trong silo của 03 trạm trộn bê tông: Bụi được thu gom qua thiết bị lọc bụi tại các silo đồng bộ với dây chuyền sản xuất (trang bị thiết bị lọc bụi bằng các lõi lọc cartridge (vật liệu lọc là polyester), khí sạch thoát ra môi trường qua vật liệu lọc.

- Sơ đồ quy trình thu gom, xử lý bụi:



- Bụi tại công đoạn nạp cát, đá vào phễu chứa: lắp đặt hệ thống phun sương trên trần nhà tại cửa ra vào của khu vực phối trộn nhằm hạn chế bụi phát tán ra môi trường.

- Bụi, khí thải từ công đoạn lắp ghép lồng thép, bảo dưỡng bề mặt, phá dỡ sản phẩm cấu kiện bê tông lõi: nhà xưởng thông thoáng, trang bị bảo hộ lao động cho người lao động. Riêng công đoạn phá dỡ sản phẩm cấu kiện bê tông bị lỗi do sản phẩm còn ẩm, trang bị bảo hộ lao động cho người lao động.

- Bụi từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm ra vào dự án: Sân bãi đường nội bộ bê tông hóa và trồng cây xanh đảm bảo tối thiểu 20% diện tích dự án, vệ sinh xe bồn trước khi ra khỏi khu vực trạm trộn.

**Yêu cầu về bảo vệ môi trường:** Thu gom, xử lý bụi và khí thải phát sinh trong quá trình vận hành các hạng mục, công trình của dự án đạt QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT.

Lắp đặt, vận hành hệ thống thông gió, chiếu sáng, trồng cây xanh tại Công ty bảo đảm môi trường không khí xung quanh khu vực Công ty đáp ứng yêu cầu theo quy định tại QCVN 05: 2013/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 06: 2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

### **3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải công nghiệp thông thường**

#### **3.3.1. Giai đoạn xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị**

- Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh, thu gom về khu tập kết tạm thời của dự án.

- Chất thải rắn sinh hoạt được hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

#### **3.3.2. Giai đoạn vận hành**

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực có phát sinh, thu gom về khu vực lưu trữ diện tích 10m<sup>2</sup>; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải công nghiệp thông thường: thu gom và lưu chứa trong kho chứa diện tích 148 m<sup>2</sup>, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Sản phẩm cấu kiện bê tông lõi, xà bần (bùn cặn): tái sử dụng cho quá trình sản xuất.

- **Yêu cầu về bảo vệ môi trường:** thu gom, xử lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

### **3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại**

#### **3.4.1. Giai đoạn xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị:**

- Bố trí các thùng chứa tại các khu vực thi công công trình, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

#### **3.4.2. Giai đoạn vận hành:**

- Bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) diện tích 28 m<sup>2</sup>, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải nguy hại phát sinh được hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- **Yêu cầu về bảo vệ môi trường:** thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

#### **3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khác:**

- Thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung: thiết kế các bộ phận

giảm âm, lắp đệm chống ồn trong quá trình lắp đặt thiết bị tại Nhà máy.

- Trồng cây xanh, thảm cỏ xung quanh nhà máy để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh.

- Mạng lưới thu gom nước mưa: Lắp đặt hệ thống thoát nước mưa và thường xuyên khơi thông cống rãnh, dòng chảy theo địa hình tự nhiên thấp dần xuống các đường tự thủy khu vực dự án nhằm không chế tình trạng ứ đọng, ngập úng, sinh lầy.

**- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- + Tuân thủ theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

- + Bố trí mặt bằng trong khuôn viên nhà máy để trồng cây xanh, đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định của pháp luật (đạt tỷ lệ tối thiểu 20% trên tổng diện tích đất).

- + Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

**3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường**

**3.6.1. Biện pháp an toàn lao động**

- Quy định về an toàn lao động tại nhà máy.
- Tuân thủ quy định về an toàn, phòng ngừa tai nạn.
- Đảm bảo ánh sáng và thông thoáng nhà xưởng trong quá trình sản xuất.
- Các máy móc, thiết bị được kiểm tra, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật và hướng dẫn về vận hành của nhà sản xuất.
- Thường xuyên tập huấn an toàn lao động cho công nhân.

**3.6.2. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ**

- Tuân thủ các quy định về an toàn trong thiết kế, xây dựng, lắp đặt hệ thống PCCC theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Tuân thủ nghiêm ngặt về các quy định phòng cháy trong lưu chứa hóa chất tại nhà máy theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Tuân thủ các nguyên tắc an toàn trong nhập liệu, lưu chứa và vận hành sản xuất, đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật như: bồn chứa, khu vực nhập liệu...; Hệ thống thông tin; Hệ thống chiếu sáng; Các thiết bị phụ trợ khác.

- Định kỳ tiến hành bảo trì, bảo dưỡng hệ thống thiết bị sản xuất.

- Thiết lập phương án ứng cứu sự cố đối với sự cố cháy, nổ.

- Tuyên truyền, tập huấn về an toàn cháy nổ cho công nhân, quản lý nhà máy theo định kỳ.

### 3.6.3. Biện pháp an toàn trong lưu trữ, sử dụng hóa chất

- Phụ gia lưu chứa trong thùng chứa kín, đặt cân bằng trên nền chống thấm để tránh tràn đổ, có dán nhãn tên phụ gia

- Bơm phụ gia bằng máy bơm để cải thiện điều kiện lao động và hạn chế tác động không tốt của phụ gia đến sức khỏe công nhân. Ống nối kín từ bồn phụ gia dẫn vào máy trộn.

### 3.6.4. Biện pháp phòng, ứng phó sự cố môi trường

Đối với các thiết bị xử lý khí thải: Tuân thủ các yêu cầu thiết kế, nhân viên vận hành sẽ được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng thiết bị;

- Tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành;  
- Thường xuyên kiểm tra thiết bị để phát hiện các hỏng hóc kịp thời;  
- Trang bị các cột lọc bụi dự phòng để có thể nhanh chóng thay thế khi cần thiết.

- Khi HTXL gặp sự cố (động cơ rung giữ hư, cột lọc rách, hoặc tắc nghẽn,...), nhanh chóng kiểm tra và khắc phục sự cố rồi đưa vào vận hành sau khi khắc phục xong.

## 4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

TT	Tên công trình bảo vệ môi trường	Số lượng	Quy mô/ công suất
01	Hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn	01	Nước mưa thu gom bằng hệ thống mương hở có kích thước R400-600mm và hệ thống các hố ga 1.200mm x 1.200mm theo ống BTCT D300-400 ra đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của khu công nghiệp tại 2 vị trí đầu nối (trên đường số N7 và D8)
02	Mạng lưới thu gom nước thải sinh hoạt của dự án	01	Nước thải sinh hoạt được thu gom xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sau và đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Đất Đỏ 1 tại 01 điểm trên đường D8
03	Hệ thống xử lý nước thải sản xuất từ hoạt động vệ sinh xe bồn, rửa bồn trộn, rửa cốt liệu vữa bê tông	01	- Thu gom, qua bể lắng cặn và chia thành 04 ngăn bao gồm ngăn rửa nghiêng > ngăn lắng nghiêng thô > ngăn lắng nghiêng tinh > ngăn chứa nước sau lắng tái sử dụng cho sản

			xuất (trong đó, dung tích mỗi ngăn là $3,75\text{m} \times 9\text{m} \times 1,5\text{m} = 50,6 \text{ m}^3$ )
04	Hệ thống thu gom, xử lý bụi 02 Trạm trộn $120 \text{ m}^3/\text{h}$	02	- Thiết bị thu gom, xử lý bụi đồng bộ với dây chuyền sản xuất: Mỗi trạm $120 \text{ m}^3/\text{h}$ có 02 bộ thiết bị lọc bụi gồm 01 bộ đơn (gồm 01 thiết bị lọc bụi và 01 phễu chứa bụi xi măng) và 01 bộ kép (gồm 02 thiết bị lọc và 01 phễu chứa bụi xi măng), tổng cộng 06 bộ thiết bị lọc bụi. Mỗi thiết bị lọc gồm 12 lõi lọc, chiều cao lõi: 600mm, diện tích lọc: $5,76\text{m}^2$ . Định kỳ 3-6 tháng thay lõi lọc (tùy tình hình sản xuất)
05	Hệ thống thu gom, xử lý bụi Trạm trộn $60 \text{ m}^3/\text{h}$	01	Thiết bị thu gom, xử lý bụi đồng bộ với dây chuyền sản xuất: 01 bộ lọc bụi đơn (gồm 01 thiết bị lọc bụi và 01 phễu chứa bụi xi măng). Thiết bị lọc gồm 12 lõi lọc, chiều cao lõi: 600mm, diện tích lọc: $5,76\text{m}^2$ . Định kỳ 3-6 tháng thay lõi lọc (tùy tình hình sản xuất)
06	Công trình quản lý chất thải sinh hoạt	01	Khu vực chứa rác sinh hoạt $10\text{m}^2$
	Công trình quản lý chất thải công nghiệp; kho chứa xà bần	01	Kho chứa chất thải công nghiệp và xà bần diện tích $148 \text{ m}^2$
	Công trình quản lý chất thải nguy hại	01	Kho chứa chất thải nguy hại diện tích $28\text{m}^2$

## 5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án:

### 5.1. Giám sát môi trường giai đoạn vận hành thử nghiệm:

Thực hiện việc giám sát chất thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa

đổi, bổ sung một số điều của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

## **5.2. Giám sát môi trường giai đoạn hoạt động thương mại:**

### **a) Giám sát nước thải**

- Vị trí giám sát: nước thải sau xử lý (tại vị trí đầu nổi)
- Thông số giám sát: pH, BOD<sub>5</sub> COD, TSS, Tổng nito, Amoni, tổng P, dầu mỡ khoáng, Coliform.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần
- Quy chuẩn so sánh: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Đất Đỏ 1.

### **b) Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại**

- Vị trí giám sát: tại vị trí lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại
- Thông số giám sát: thành phần, khối lượng thải.
- Tần suất giám sát: thường xuyên, liên tục.
- Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐCP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

## **6. Các điều kiện khác có liên quan đến môi trường**

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

6.1. Chủ dự án phải cam kết thực hiện nghiêm túc Luật Đầu tư và các quy định khác của pháp luật Việt Nam. Thực hiện thi công xây dựng dự án theo đúng thiết kế, phương án thi công,... được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định/phê duyệt theo quy định. Chỉ đưa dự án vào vận hành sau khi đã đầu tư hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo quy định.

6.2. Chỉ được phép triển khai dự án sau khi Công ty Cổ phần khu công nghiệp Tín Nghĩa – Phương Đông (chủ đầu tư KCN Đất Đỏ 1) được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết 1/2000 theo Văn bản cam kết số 174/CV.TN-PĐ ngày 01/6/2021.

6.3. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các KCN Bà Rịa-Vũng Tàu trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Tổ chức quan trắc, giám sát chất thải phát sinh trong quá trình vận hành thử nghiệm và quá trình hoạt động của dự án. Trường hợp phát hiện bất kỳ các thông số ô nhiễm nào có trong chất thải phát sinh từ quá trình vận hành không đạt yêu cầu so với quy



chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường phải dừng ngay hoạt động, kịp thời ứng phó sự cố, khắc phục hậu quả và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các KCN, UBND huyện Đất Đỏ, Chủ đầu tư hạ tầng KCN Đất Đỏ 1 để được hướng dẫn giải quyết; chịu toàn bộ trách nhiệm trước pháp luật và đền bù mọi thiệt hại xảy ra đối với các đối tượng bị tác động bởi hoạt động của dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

- Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) theo quy định.

6.4. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; chủ trì phối hợp với các tổ chức, cá nhân tham gia đánh giá tác động môi trường giải trình trước cơ quan nhà nước, cơ quan truyền thông về thông tin, số liệu, kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường khi được yêu cầu.

6.5. Thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ đối với chất thải với tần suất 03 tháng/lần. Định kỳ 01 năm/lần báo cáo tiến độ thực hiện dự án và công tác bảo vệ môi trường dự án về Ban Quản lý các KCN để theo dõi, giám sát./.